



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ PHÚ THÁI**

Số: /TB-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phú Thái, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO:

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ
Về kết quả giám sát công tác quản lý thu, chi tiền ăn bán trú
tại một số trường mầm non, tiểu học năm học 2024-2025**

Ngày 29/6/2026, tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026, Hội đồng nhân dân xã Phú Thái đã xem xét Báo cáo của Đoàn giám sát về kết quả giám sát công tác quản lý thu, chi tiền ăn bán trú tại một số trường mầm non, tiểu học trên địa bàn xã năm học 2024-2025 và ý kiến thảo luận của các đại biểu. Sau khi xem xét, Hội đồng nhân dân xã thống nhất kết luận như sau:

Căn cứ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, HĐND tỉnh Hải Dương và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức ăn bán trú, quản lý các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, Đoàn giám sát đã tiến hành giám sát trường Mầm non Kim Xuyên, Mầm non Kim Liên, Mầm non Phú Thái, Tiểu học Kim Anh, Tiểu học Phúc Thành trong năm học 2024 – 2025⁽¹⁾;

Thời điểm, mốc thời gian giám sát công tác quản lý thu, chi tiền phục vụ ăn bán trú cho học sinh của các trường được giám sát theo Kế hoạch số 06/KH-HĐND ngày 05/01/2026.

Qua giám sát tại 05 trường Mầm non Kim Xuyên, Mầm non Kim Liên, Mầm non Phú Thái, Tiểu học Kim Anh, Tiểu học Phúc Thành trong năm học 2024 – 2025, Đoàn giám sát nhận thấy các nhà trường cơ bản thực hiện đúng quy định về xây dựng phương án tổ chức bán trú; thực hiện công khai các khoản thu; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bảo đảm cân đối thu - chi.

(Chi tiết kết quả thu, chi của từng đơn vị thể hiện tại các biểu phụ lục kèm theo)

(1) Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT, ngày 10/8/2022: Hướng dẫn chi tiết công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học; Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT & Thông tư 18/2023/TT-BGDĐT: Quy định về xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, là cơ sở để đảm bảo môi trường ăn bán trú; Công văn 404/BGDĐT-GDDT ngày 24/01/2024 về việc tăng cường đảm bảo các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông; Nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; Nghị Quyết 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương Quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Công văn hướng dẫn số 2528/HDLN-SGDĐT-STC ngày 15 tháng 11 năm 2024 hướng dẫn liên ngành của Sở Giáo dục và đào tạo Hải Dương, Sở tài chính về việc hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Hướng dẫn 398/PGDĐT- GDMN ngày 06/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Kim Thành về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2024-2025; Hướng dẫn số 385/PGDĐT-GDTH ngày 29/8/2024 của Phòng GD&ĐT huyện Kim Thành về thực hiện nhiệm vụ Giáo dục tiểu học năm học 2024-2025; Các trường Mầm non, Tiểu học được giám sát theo Kế hoạch số 06/KH-HĐND ngày 05/01/2026 đã xây dựng các Kế hoạch, Quyết định, Quy chế thống nhất với bộ phận liên quan tổ chức công tác ăn bán trú cho học sinh tại các trường theo quy định hiện hành và yêu cầu, điều kiện thực tiễn của các trường.

Nhìn chung năm học 2024- 2025 về công tác quản lý thu - chi và tổ chức ăn bán trú tại các trường: Mầm non Kim Xuyên, Mầm non Kim Liên, Mầm non Phú Thái, Tiểu học Kim Anh, Tiểu học Phúc Thành trong năm học 2024 - 2025 cơ bản được triển khai thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan của cấp có thẩm quyền. Các nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú; phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức họp, thống nhất các khoản thu theo quy định; thực hiện công khai, dân chủ trong quá trình tổ chức thực hiện. có sự phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Mức thu cơ bản bảo đảm theo quy định của HĐND tỉnh Hải Dương về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Công tác quản lý thu - chi cơ bản được thực hiện đúng quy định; hồ sơ, sổ sách kế toán, chứng từ thu - chi được mở theo dõi tương đối đầy đủ; các khoản chi chủ yếu phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức ăn bán trú, bảo đảm công khai, minh bạch và cân đối thu - chi theo quy định. Các nhà trường quan tâm thực hiện tương đối tốt công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; chú trọng xây dựng thực đơn phù hợp, bảo đảm dinh dưỡng cho học sinh; thực hiện lưu mẫu thức ăn, kiểm tra nguồn gốc thực phẩm và duy trì vệ sinh khu vực bếp ăn theo quy định. Trong năm học 2024 - 2025, tại các trường được giám sát không xảy ra vụ việc mất an toàn thực phẩm, các trường được giám sát đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý, tổ chức ăn bán trú cho học sinh; góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục học sinh và tạo được sự đồng thuận của phụ huynh học sinh trên địa bàn.

Bên cạnh những kết quả đạt được việc triển khai thực hiện công tác quản lý thu - chi ăn bán trú còn có những hạn chế: Công tác quản lý, theo dõi hồ sơ thu - chi ăn bán trú tại một số trường tuy đã được thực hiện tương đối đầy đủ, tuy nhiên việc rà soát chứng từ, hóa đơn ở một số thời điểm còn chưa chặt chẽ; vẫn còn một số chứng từ thiếu chữ ký của các thành phần liên quan theo quy định. Công tác tự kiểm tra nội bộ của một số nhà trường đối với hoạt động thu - chi ăn bán trú chưa được thực hiện thường xuyên; việc lưu trữ hồ sơ, chứng từ ở một số nội dung còn chưa thật khoa học. Nguồn kinh phí chi trả công phục vụ nấu ăn, chăm sóc bán trú năm học 2024-2025 chủ yếu phụ thuộc vào nguồn đóng góp của phụ huynh học sinh, chưa có nguồn hỗ trợ bổ sung khác nên còn gặp khó khăn trong việc bảo đảm thu nhập cho đội ngũ nhân viên phục vụ bán trú. Cơ sở vật chất phục vụ công tác bán trú tại một số trường còn hạn chế; diện tích khu bếp, khu sơ chế, khu bảo quản thực phẩm tại một số điểm trường còn chật hẹp, một số hạng mục đã có dấu hiệu xuống cấp, ảnh hưởng nhất định đến công tác tổ chức ăn bán trú. Tỷ lệ học sinh tham gia ăn bán trú tại các trường Tiểu học tuy đã có chuyển biến nhưng còn chưa cao so với nhu cầu thực tế, chưa phát huy hết hiệu quả của công tác tổ chức bán trú trong nhà trường.

Để tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác quản lý thu - chi ăn bán trú của một số trường được giám sát HĐND xã đề nghị:

1. Đối với UBND xã

Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức ăn bán trú tại các nhà trường, bảo đảm thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý thu - chi, vệ sinh an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe học sinh.

Quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác bán trú, nhất là khu bếp ăn, khu sơ chế, khu bảo quản thực phẩm và các công trình phụ trợ tại các trường học còn khó khăn, xuống cấp.

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của UBND xã phối hợp với các nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao tỷ lệ học sinh tham gia ăn bán trú, đặc biệt tại các trường Tiểu học. Theo dõi, kiểm tra việc khắc phục các tồn tại sau giám sát; báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực HĐND xã theo quy định.

2. Đối với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân phối hợp với nhà trường thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng đối với công tác tổ chức ăn bán trú tại các trường học.

Phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức của phụ huynh học sinh về vai trò, ý nghĩa của công tác ăn bán trú đối với việc chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Đối với các trường được giám sát

Đề nghị Ban Giám hiệu các trường: Mầm non Kim Xuyên, Mầm non Kim Liên, Mầm non Phú Thái, Tiểu học Kim Anh, Tiểu học Phúc Thành tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được; tăng cường công tác quản lý, điều hành hoạt động bán trú bảo đảm đúng quy định, công khai, dân chủ, minh bạch trong thu - chi

Thường xuyên rà soát, kiểm tra hồ sơ, chứng từ thu - chi; thực hiện đầy đủ việc ký xác nhận, lưu trữ chứng từ kế toán theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế đã được Đoàn giám sát chỉ ra.

Tiếp tục quan tâm nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú; bảo đảm cân đối dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm; duy trì nghiêm túc việc lưu mẫu thức ăn, kiểm tra nguồn gốc thực phẩm và vệ sinh khu bếp ăn theo quy định; quyết tâm không để xảy ra mất an toàn thực phẩm trong các nhà trường.

Tăng cường công tác tự kiểm tra nội bộ; chủ động xây dựng kế hoạch sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ bán trú; đồng thời đẩy mạnh công tác

tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh nhằm nâng cao tỷ lệ học sinh tham gia ăn bán trú tại các trường tiểu học.

UBND xã, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các nhà trường Mầm non, Tiểu học được giám sát, các cơ quan, đơn vị liên quan, quan tâm chỉ đạo, cụ thể hóa triển khai thực hiện Thông báo kết luận này.

Thường trực HĐND, các Ban HĐND xã theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Thông báo kết luận này; tổng hợp kết quả báo cáo HĐND xã theo quy định.

Nơi nhận:

- TTr HĐND TP (để b/c);
- TTr Đảng ủy (để b/c);
- TTr HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban TT UBMTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- VP ĐU, HĐND và UBND xã;
- Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT,

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Thông



Biểu số 01

BIỂU THÔNG KÊ TÀI CHÍNH
THU - CHI ĂN BÁN TRÚ TRƯỜNG MẦM NON PHÚ THÁI
NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Thông báo số: /TB- HĐND, ngày 29 tháng 6 năm 2026)

STT	Tháng	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
1		Tiền ăn bán trú	818.890.000	818.890.000	
	9	Thu tiền ăn bán trú tháng 9/2024 (3.404 xuất x 17.000 đ)	57.868.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		56.988.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		880.000	
	10	Thu tiền ăn bán trú tháng 10/2024 (6.370 xuất x 17.000 đ)	108.290.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		102.350.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		5.940.000	
	11	Thu tiền ăn bán trú tháng 11/2024 (5.602 xuất x 17.000 đ)	95.234.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		90.394.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		4.840.000	
	12	Thu tiền ăn bán trú tháng 12/2024 (6.064 xuất x 17.000 đ)	103.088.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		98.028.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		5.060.000	
	01	Thu tiền ăn bán trú tháng 01/2025 (4.461 xuất x 17.000 đ)	75.837.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		72.097.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		3.740.000	
	02	Thu tiền ăn bán trú tháng 02/2025 (5.073 xuất x 17.000 đ)	86.241.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		81.841.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		4.400.000	
	3	Thu tiền ăn bán trú tháng 03/2025 (5.815 xuất x 17.000 đ)	98.855.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		94.235.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		4.620.000	
	4	Thu tiền ăn bán trú tháng 4/2025 (5.958 xuất x 17.000 đ)	101.286.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		95.786.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		5.500.000	
	5	Thu tiền ăn bán trú tháng 05/2025 (5.423 xuất x 17.000 đ)	92.191.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		87.791.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		4.400.000	

2		Chăm sóc, phục vụ bán trú	722.809.000	722.809.000	
	9	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú tháng 9/2024 (180.000đ/trẻ/tháng)	51.585.000		
		Trả tiền công cô nấu tháng 9/2024		15.475.200	
		Trả tiền công trực trưa của giáo viên tháng 9/2024		29.689.800	
		Trả tiền quản lý tháng 9/2024		5.020.000	
		Chi trả tiền bếp trưởng, công chở thực phẩm, Quà 20/10 cho cô nuôi		900.000	
		Cộng			500.000
	10	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú tháng 10/2024 (240.000đ/trẻ/tháng)	72.974.000		
		Trả tiền công cô nấu tháng 10/2024		22.400.000	
		Trả tiền công trực trưa của giáo viên tháng 10/2024		41.486.000	
		Trả tiền quản lý tháng 10/2024		6.988.000	
		Chi trả tiền bếp trưởng, công chở thực phẩm, Quà 20/11 cho cô nuôi		2.600.000	-
	11	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú tháng 11/2024 (280.000đ/trẻ/tháng)	85.890.000		
		Trả tiền công cô nấu tháng 11/2024		22.400.000	
		Trả tiền công trực trưa của giáo viên tháng 11/2024		50.752.000	
		Trả tiền quản lý		5.608.000	
		Chi trả tiền bếp trưởng, công chở thực phẩm, cho cô nuôi tháng 11/2024		600.000	
		Tư vấn đầu thầu gói thầu mua thực phẩm cho bếp ăn Trường Mầm non Phú Thái năm học 2024 - 2025		6.480.000	
		Cộng			50.000
	12	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú tháng 12/2024 (280.000đ/trẻ/tháng)	85.410.000		
		Trả tiền công cô nấu tháng 12/2024		22.400.000	
		Trả tiền công trực trưa của giáo viên tháng 12/2024		50.336.000	
		Trả tiền quản lý tháng 12/2024		6.584.000	
		Chi trả tiền bếp trưởng, công chở thực phẩm, cho cô nuôi tháng 12/2024		600.000	
		Tư vấn đầu thầu gói thầu mua thực phẩm cho bếp ăn Trường Mầm non Phú Thái năm học 2024 - 2025		5.400.000	
		Cộng			140.000
	1	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú tháng 01/2025 (280.000đ/trẻ/tháng)	82.800.000		
		Trả tiền công cô nấu		22.400.000	
		Trả tiền công trực trưa của giáo viên		48.320.000	

		Trả tiền quản lý		11.143.600	
		Chi trả tiền bếp trưởng, công chở thực phẩm, cho cô nuôi		600.000	
		Cộng			476.400
	2	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú tháng 02/2025 (280.000đ/trẻ/tháng)	82.360.000		
		Trả tiền công cô nấu		22.400.000	
		Trả tiền công trực trưa của giáo viên		47.856.000	
		Trả tiền quản lý		9.700.400	
		Chi trả tiền bếp trưởng, công chở thực phẩm, quà tết nguyên đán năm 2025 cho cô nuôi		2.600.000	
		Cộng			280.000
	3	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú tháng 03/2025 (280.000đ/trẻ/tháng)	86.930.000		
		Trả tiền công cô nấu		22.400.000	
		Trả tiền công trực trưa của giáo viên		51.624.000	
		Trả tiền quản lý		12.306.000	
		Chi trả tiền bếp trưởng, công chở thực phẩm cho cô nuôi		600.000	
		Cộng			280.000
	4	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú tháng 04/2025 (280.000đ/trẻ/tháng)	87.500.000		
		Trả tiền công cô nấu		22.400.000	
		Trả tiền công trực trưa của giáo viên		52.040.000	
		Trả tiền quản lý		12.085.600	
		Chi trả tiền bếp trưởng, công chở thực phẩm cho cô nuôi		600.000	
		Cộng			654.400
		Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú tháng 05/2025 (280.000đ/trẻ/tháng)	87.360.000		
		Trả tiền công cô nấu		22.400.000	
		Trả tiền công trực trưa của giáo viên		52.262.200	
		Trả tiền quản lý		11.752.200	
		Chi trả tiền bếp trưởng, công chở thực phẩm cho cô nuôi + phúc lợi ngày 8/3		1.600.000	
3		Phụ phí (chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)	170.930.000	170.930.000	
		Thu tiền phụ phí học kỳ I (4 tháng x 60,000đ)	73.550.000		
		Thu tiền phụ phí học kỳ II (5 tháng x 60,000đ)	97.380.000		

9	Trả tiền điện tháng 10/2024	7.236.688	
	Trả tiền nước sạch tháng 9/2024	2.290.800	
	Trả tiền chất đốt tháng 9/2024	4.448.000	
10	Trả tiền chất đốt tháng 10/2024	5.780.000	
	Trả tiền nước sạch tháng 10/2024	2.677.200	
	Trả tiền thanh toán tiền chất tẩy rửa	5.364.700	
11	Thanh toán tiền điện tháng 11/2024	7.046.028	
	Trả tiền chất đốt tháng 11/2024	5.202.000	
	Trả tiền nước sạch tháng 11/2024	2.332.200	
	Trả tiền thanh toán tiền chất tẩy rửa	5.175.000	
	Thanh toán tiền điện tháng 12/2024	5.566.362	
	Thanh toán tiền mua Clo B	3.500.000	
12	Trả tiền chất đốt tháng 12/2024	5.202.000	
	Trả tiền nước sạch tháng 12/2024	3.105.000	
	Trả tiền thanh toán tiền chất tẩy rửa	7.037.000	
1	Thanh toán tiền điện tháng 1/2025	4.842.542	
	Tiền nước sạch tháng 01	2.111.400	
	Tiền điện T1/2025 có mã PM 11000045582 (số hóa đơn: 3319)	441.978	
2	Tiền điện T2/2025	4.838.273	
	Chuyển tiền mua chất tẩy rửa phục vụ bán trú	7.953.000	
	Tiền nước sạch tháng 02	2.925.600	
	Trả tiền ga tháng 1 + tháng 2/2025	10.110.000	
	Tiền điện T2/2025	5.308.008	
3	Tiền nước sạch tháng 03	2.290.800	
	Trả tiền ga tháng 3/2025	6.017.000	
	Chuyển tiền mua chất tẩy rửa phục vụ bán trú	9.955.000	
4	Trả tiền ga tháng 4/2025	5.196.000	
	Tiền nước sạch tháng 04	3.077.000	
5	Tiền điện T5/2025	8.171.421	
	Chuyển tiền mua chất tẩy rửa phục vụ bán trú	9.696.500	
	Trả tiền ga tháng 5/2025	5.454.000	
	Tiền nước sạch tháng 5	2.787.600	
	Tiền điện điều hòa tháng 5/2025	3.679.272	
	Tiền thừa trả lại phụ huynh học sinh	4.111.628	
	Tổng cộng	1.712.629.000	1.712.629.000

Cân đối thu - chi: 1.712.629.000 đồng - 1.712.629.000 đồng = 0 đồng

Tổng thu năm học 2024 - 2025: 1.712.629.000 đồng

Tổng chi năm học 2024 - 2025: 1.712.629.000 đồng

Vậy cân đối thu - chi công tác ăn bán trú trường Mầm non Phú Thái năm học 2024 - 2025 = 0 đồng.



BIỂU SỐ 02 - BIỂU THÔNG KÊ TÀI CHÍNH
THU - CHI ĂN BÁN TRÚ TRƯỜNG MẦM NON KIM XUYỀN
NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Thông báo số: /TB-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2026)

STT	Tháng	Nội dung	Số HS tham gia ABT	Số suất ăn	Thu	Chi	Tồn
1		Tiền ăn bán trú					
	9	Thu tiền ăn bán trú tháng 9/2024	575	6687	113.679.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ			-	105.687.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ			-	7.992.000	
	10	Thu tiền ăn bán trú tháng 10/2024	590	12351	209.967.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ			-	197.179.800	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ			-	12.787.200	
	11	Thu tiền ăn bán trú tháng 11/2024	602	10885	185.045.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ			-	174.255.800	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ			-	10.789.200	
	12	Thu tiền ăn bán trú tháng 12/2024	611	11550	196.350.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ			-	181.964.400	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ			-	14.385.600	
	01	Thu tiền ăn bán trú tháng 01/2025	615	8242	140.114.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ			-	130.923.200	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ			-	9.190.800	
	02	Thu tiền ăn bán trú tháng 02/2025	634	9919	168.623.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ			-	156.635.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ			-	11.988.000	
	3	Thu tiền ăn bán trú tháng 3/2025	657	11079	188.343.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ			-	173.358.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ			-	14.985.000	
	4	Thu tiền ăn bán trú tháng 4/2025	657	11654	198.118.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ			-	185.530.600	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ			-	12.587.400	
	5	Thu tiền ăn bán trú tháng 5/2025	658	10624	180.608.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ				168.420.200	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ				12.187.800	
		Cộng			1.580.847.000	1.580.847.000	
2		Tiền chăm sóc phục vụ bán trú					
	9	220.000đ)	575		73.469.000		
		Chi trực bán trú T9/2024 cho giáo viên				62.350.000	
		Chi trực bán trú T9/2024 cho CBQL				7.000.000	
		Chi tiền làm sổ bếp bán trú T9/2024				1.050.000	
		Chi tiền công cô nấu T9/2024				26.100.000	
	10	Thu tiền CS phục vụ bán trú T10/2024 (thu 220.000đ)	590		127.182.000		

		Chi trực bán trú T10/2024 cho giáo viên			86.100.000	
		Chi trực bán trú T10/2024 cho CBQL			10.700.000	
		Chi tiền làm sổ bếp bán trú T10/2024			1.050.000	
		Chi tiền công cô nấu T10/2024			52.200.000	
11		Thu tiền CS phục vụ bán trú T11/2024 (thu 280.000đ)	602	162.960.000		
		Chi trực bán trú T11/2024 cho giáo viên			86.100.000	
		Chi trực bán trú T11/2024 cho CBQL			10.700.000	
		Chi tiền làm sổ bếp bán trú T11/2024			1.150.000	
		Chi tiền công cô nấu T11/2024			58.050.000	
12 + 01		Thu tiền CS phục vụ BT T12/2024 và T1/25 (thu 280.000đ)	T12: 611 T01: 615	304.882.000		
		Chi trực BT T12/2024 và T01/2025 cho GV			173.600.000	
		Chi trực BT T12/2024 và T01/2025 cho CBQL			20.400.000	
		Chi làm sổ bếp BT T12/2024 và T01/2025			2.300.000	
		Chi tiền công cô nấu T12/2024 và T01/2025			97.830.000	
02		Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú T02/2025 (thu 280.000đ)	634	145.552.000		
		Chi trực bán trú T02/2025 cho giáo viên			88.000.000	
		Chi trực bán trú T02/2025 cho CBQL			10.900.000	
		Chi tiền làm sổ bếp bán trú T02/2025			1.150.000	
		Chi tiền công cô nấu T02/2025			49.500.000	
3		Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú T3/2025 (thu 280.000đ)	657	165.047.000		
		Chi trực bán trú T3/2025 cho giáo viên			88.000.000	
		Chi trực bán trú T3/2025 cho CBQL			10.900.000	
		Chi tiền làm sổ bếp bán trú T3/2025			1.150.000	
		Chi tiền công cô nấu T3/2025			52.200.000	
4 + 5		Thu tiền CS phục vụ BT T4/2024 và T5/2025 (thu 280.000đ)	T4: 657 T5: 658	339.960.500		
		Chi trực bán trú T4/2024 và T5/2025 cho GV			183.920.000	
		Chi trực BT T4/2024 và T5/2025 cho CBQL			22.800.000	
		Chi tiền làm sổ bếp BT T4/2024 và T5/2025			2.300.000	
		Chi tiền công cô nấu T4/2024 và T5/2025			100.600.000	
		Trả tiền tư vấn mời thầu gói số 3 và gói số 5			7.000.000	
		Trả lại học sinh tiền CS phục vụ bán trú			3.952.500	
		Cộng		1.319.052.500	1.319.052.500	-
3		Thu tiền phụ phí bán trú				
9		Thu tiền phụ phí tháng 9/2024	575	20.287.000		
10		Thu tiền phụ phí tháng 10/2024	590	34.506.000		
11		Thu tiền phụ phí tháng 11/2024	602	34.798.000		
12+01		Thu tiền phụ phí T12/2024 và tháng 01/2025	T12: 611 T01: 615	65.638.000		
		Chi tiền chất đốt từ tháng 9 đến tháng 01/2025			55.600.000	
		Chi tiền điện và tiền nước từ tháng 9/2024 đến tháng 01/2025			67.555.000	
		Chi tiền nước rửa từ tháng 9 đến tháng 01/2025			13.032.300	

	2	Thu tiền chất đốt tháng 02/2025	634		33.195.000		
	3	Thu tiền chất đốt tháng 3/2025	657		35.610.000		
	4+5	Thu tiền chất đốt tháng 4/2025 và tháng 5/2025	T4: 657 T5: 658		72.863.000		
		Chi tiền chất đốt từ tháng 02 đến tháng 5/2025				59.800.000	
		Chi tiền điện và tiền nước từ tháng 02/2025 đến tháng 5/2025				57.591.400	
		Chi tiền nước rửa từ tháng 02 đến tháng 5/2025				42.399.000	
		Trả lại học sinh tiền phụ phí				919.300	
		Cộng			296.897.000	296.897.000	-
		Cộng			3.196.796.500	3.196.796.500	

Tổng thu năm học 2024 - 2025

3.196.796.500

Tổng chi năm học 2024 - 2025

3.196.796.500

Cân đối thu - chi công tác ăn bán trú trường MN Kim Xuyên. Năm học 2024 - 2025 = 0 đồng



BIỂU SỐ 03 - BIỂU THỐNG KÊ TÀI CHÍNH
THU - CHI AN BÀN TRÚ TRƯỜNG MẦM NON KIM LIÊN
NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Thông báo số: /TB-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025)

STT	T	Nội dung	Thu	Chi	Tồn
1		Tiền ăn bán trú			
	9	Thu tiền ăn bán trú tháng 9/2024 (6.067 suất x 17.000đ)	103.139.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		100.741.400	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		2.397.600	
		Cộng tháng 9/2024	103.139.000	103.139.000	-
	10	Thu tiền ăn bán trú tháng 10/2024 (11.381 suất x 17.000)	200.617.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		194.423.200	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		6.193.800	
		Cộng tháng 10/2024	200.617.000	200.617.000	-
	11	Thu tiền ăn bán trú tháng 11/2024 (10.381 suất x 17.000)	176.477.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		170.283.200	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		6.193.800	
		Cộng tháng 11/2024	176.477.000	176.477.000	-
	12	Thu tiền ăn bán trú tháng 12/2024 (11.172 suất x 17.000)	189.924.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		185.328.600	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		4.595.400	
		Cộng tháng 12/2024	189.924.000	189.924.000	-
	01	Thu tiền ăn bán trú tháng 01/2025 (7.896 suất x 17.000đ)	134.232.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		131.035.200	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		3.196.800	
		Cộng tháng 01/2025	134.232.000	134.232.000	-
	02	Thu tiền ăn bán trú tháng 02/2025 (9.370 suất x 17.000đ)	159.290.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		155.294.000	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ		3.996.000	
		Cộng tháng 2/2025	159.290.000	159.290.000	-
	3	Thu tiền ăn bán trú tháng 3/2025 (10.607 suất x 17.000đ)	180.319.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		174.035.290	
		Chi tiền mua sữa dinh dưỡng cho trẻ (T3 + T4)		7.392.600	
		Cộng tháng 3/2025	180.319.000	181.427.890	(1.108.890)
	4	Thu tiền ăn bán trú tháng 4/2025 (11.102 suất x 17.000đ)	188.734.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		187.625.110	
		Cộng tháng 4/2025	188.734.000	187.625.110	1.108.890
	5	Thu tiền ăn bán trú tháng 5/2025 (10.087 suất x 17.000đ)	171.479.000		
		Chi tiền mua thực phẩm cho trẻ		171.479.000	

		Cộng tháng 5/2025	171.479.000	171.479.000	-
		Cộng	1.504.211.000	1.504.211.000	
2		Tiền chăm sóc phục vụ bán trú			
	9	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú T9/2024	65.580.000		
		Chi công trực trưa GV, CBQL, công cô nấu ăn T9/2024		60.312.976	
		Chi bảo hiểm xã hội cô nuôi T9/2024		4.611.200	
		Chi tiền làm sổ bếp bán trú T9/2024		600.000	
	10	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú T10/2024	133.410.000		
		Chi công trực trưa GV, CBQL, công cô nấu ăn T10/2024		128.245.688	
		Chi bảo hiểm cô nuôi T10+T11/2024		6.247.400	
	11	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú T11/2024	157.264.645		
		Chi công trực trưa GV, CBQL, công cô nấu ăn T11/2024		152.696.456	
		Chi bảo hiểm cô nuôi T12/2024		3.011.200	
	12	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú T12/2024	161.198.000		
		Chi công trực trưa GV, CBQL, công cô nấu ăn T12/2024		156.598.811	
	01	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú 01/2025	142.520.000		
		Tạm chi lương cô nuôi tháng 01/2025		40.000.000	
		Tạm chi công trực trưa GV, CBQL, công cô nấu ăn T01/2025		53.000.000	
		Chi công trực trưa GV, CBQL, công cô nấu ăn T01/2025 (lần 2)		46.083.166	
	02	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú T02/2025	151.880.000		
		Chi công trực trưa GV, CBQL, công cô nấu ăn T02/2025		146.359.600	
		Chi bảo hiểm cô nuôi T01+T02/2025		6.022.400	
	03	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú T3/2025	159.740.000		
		Chi công trực trưa GV, CBQL, công cô nấu ăn T03/2025		155.136.418	
		Chi bảo hiểm cô nuôi T03/2025		2.100.000	
	04	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú T4/2025	163.480.000		
		Chi công trực trưa GV, CBQL, công cô nấu ăn T04/2025		158.639.000	
		Chi bảo hiểm cô nuôi T03/2025 (Lần 2)		911.200	
		Chi bảo hiểm cô nuôi T04/2025		3.011.200	
		Chi hỗ trợ cô nuôi (Trưởng bếp)		200.000	
		Chi thăm định, tư vấn mời thầu gói cung cấp thực phẩm bán trú		7.000.000	
	05	Thu tiền chăm sóc phục vụ bán trú T5/2025	161.040.000		
		Chi công trực trưa GV, CBQL, công cô nấu ăn T05/2025		156.423.400	
		Bảo hiểm cô nuôi T5/2025		3.011.200	
		Phúc lợi cô nuôi năm học 2024-2025		5.891.330	
		Cộng	1.296.112.645	1.296.112.645	-
3		Thu tiền phụ phí bán trú			
		Thu tiền phụ phí bán trú năm học 2024-2025	310.407.000		
		Trả tiền nước sạch khu cống khê T10/2024		2.235.600	
		Trả tiền điện T11/2024		11.102.831	
		Trả tiền Gas T9+T10+T11/2024		17.882.892	
		Trả tiền nước sạch khu cống khê T11/2024		2.911.800	
		Trả tiền điện T12/2024		9.369.081	
		Mua chất tẩy rửa lần 1		41.476.000	

	Trả tiền Gas T12/2024		7.875.000	
	Trả tiền nước sạch khu cống khô T12/2024		3.022.200	
	Trả tiền điện T1/2025		9.926.359	
	Trả tiền Gas T1/2025		4.517.089	
	Trả tiền nước sạch khu cống khô T01/2025		2.152.800	
	Trả tiền điện T2/2025		7.833.902	
	Trả tiền nước sạch khu Trung tâm +LXB T11+T12+T1+T2		11.226.600	
	Trả tiền điện T3/2025		9.352.000	
	Trả tiền Gas T2/2025		4.613.711	
	Mua chất tẩy rửa lần 2		57.992.000	
	Trả tiền Gas T3/2025		5.345.000	
	Trả tiền nước sạch khu cống khô T02/2025		1.407.600	
	Trả tiền nước sạch khu cống khô T03/2025		2.263.200	
	Trả tiền điện T4/2025		10.056.604	
	Trả tiền Gas T4/2025		7.007.889	
	Trả tiền nước sạch khu TT+LXB T04/2025		2.331.000	
	Trả tiền nước sạch khu TT+LXB T03/2025		1.071.000	
	Trả tiền nước sạch khu cống khô T04/2025		2.415.000	
	Trả tiền điện T5/2025		11.630.313	
	Trả tiền nước sạch khu TT+LXB T5/2025		3.528.000	
	Trả tiền Gas T5/2025		7.126.667	
	Rút tiền mặt trả lại PHHS do chi thừa		52.734.862	
	Cộng	310.407.000	310.407.000	-

Tổng thu năm học 2024 - 2025

3.110.730.645

Tổng chi năm học 2024 - 2025

3.110.730.645

Cân đối thu - chi công tác ăn bán trú trường MN Kim Liên năm học 2024 - 2025 = 0 đồng



BIỂU SỐ 04

BIỂU THÔNG KÊ TÀI CHÍNH
THU - CHI AN BÀN TRÚ TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ANH NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Thông báo số /TB- HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2026)

I. Thu năm học 2024-2025					II. Chi năm học 2024-2025			
Stt	Tháng/ năm	Tiền xuất ăn	Tiền điện nước +quản lý	Ghi chú	Tháng/ năm	Tiền suất ăn	Tiền điện+ nước sạch	Chi trông trưa , quản lý, cấp dưỡng
1	09/2024	97.513.000	38.040.000		09/2024	97.494.881	10.134.438	28.530.000
Trong đó:	Khối 1,2 là: 2342 suất x 20.000đ/suất	46.840.000	18.736.000	Thu tiền điện, nước, trông trưa, quản lý, cấp dưỡng: 8.000đ				
	Khối 3,4,5 là: 2413 suất x 21.000đ/suất	50.673.000	19.304.000					
2	10/2024	149.637.000	58.368.000		10/2024	148.972.800	14.164.200	43.776.000
Trong đó:	Khối 1,2 là: 3579 suất x 20.000đ/suất	71.580.000	28.632.000	Thu tiền điện, nước, trông trưa, quản lý, cấp dưỡng: 8.000đ				
	Khối 3,4,5 là: 3717 suất x 21.000đ/suất	78.057.000	29.736.000					
3	11/2024	131.943.000	51.456.000		11/2024	131.481.000	11.002.744	38.592.000
Trong đó:	Khối 1,2 là: 3129 suất x 20.000đ/suất	62.580.000	25.032.000	Thu tiền điện, nước, trông trưa, quản lý, cấp dưỡng: 8.000đ				
	Khối 3,4,5 là: 3303 suất x 21.000đ/suất	69.363.000	26.424.000					
4	12/2024	143.932.000	66.642.500		12/2024	145.040.600	7.933.700	49.105.000
Trong đó:	Khối 1,2 là: 3383 suất x 20.000đ/suất	67.660.000	32.138.500	Thu tiền điện, nước, trông trưa, quản lý, cấp dưỡng: 9.500đ				
	Khối 3,4,5 là: 3632 suất x 21.000đ/suất	76.272.000	34.504.000					
5	01/2025	95.505.000	44.213.000		01/2025	95.527.100	7.313.761	32.578.000
..	Khối 1,2 là: 2229 suất x 20.000đ/suất	44.580.000	21.175.500	Thu tiền điện, nước, trông				

Trong đó:	Khối 3,4,5 là: 2425 suất x 21.000đ/suất	50.925.000	23.037.500	trưa, quản lý, cấp dưỡng: 9.500đ				
6	02/2025	125.428.000	58.064.000		02/2025	125.246.900	10.755.808	42.784.000
Trong đó:	Khối 1,2 là: 2924 suất x 20.000đ/suất	58.480.000	27.778.000	Thu tiền điện, nước, trông trưa, quản lý, cấp dưỡng: 9.500đ				
	Khối 3,4,5 là: 3188 suất x 21.000đ/suất	66.948.000	30.286.000					
7	03/2025	133.910.000	61.978.000		03/2025	133.910.000	10.726.494	45.668.000
Trong đó:	Khối 1,2 là: 3094 suất x 20.000đ/suất	61.880.000	29.393.000	Thu tiền điện, nước, trông trưa, quản lý, cấp dưỡng: 9.500đ				
	Khối 3,4,5 là: 3430 suất x 21.000đ/suất	72.030.000	32.585.000					
8	04/2025	135.343.000	46.151.000		04/2025	135.491.500	13.366.717	46.151.000
Trong đó:	Khối 1,2 là: 3110 suất x 20.000đ/suất	62.200.000	21.770.000	Không thu tiền điện nước 2.500đ				
	Khối 3,4,5 là: 3483 suất x 21.000đ/suất	73.143.000	24.381.000					
9	05/2025	114.987.000	39.221.000		05/2025	114.403.100	3.944.998	39.221.000
Trong đó:	Khối 1,2 là: 2676 suất x 20.000đ/suất	53.520.000	18.732.000	Không thu tiền điện nước 2.500đ				
	Khối 3,4,5 là: 2927 suất x 21.000đ/suất	61.467.000	20.489.000		Trả lại PH			9.194.170
	Cộng thu	1.128.198.000	464.133.500	-	Cộng	1.127.567.881	89.342.860	366.405.000
	Tổng thu	1.592.331.500			Tổng chi	1.592.509.911		

Dư năm học 2023-2024 chuyển sang: 178.411đ

Tổng thu: 1.592.331.500 (Một tỷ, năm trăm chín mươi hai triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, năm trăm đồng)

Tổng chi: 1.592.509.911 (Một tỷ, năm trăm chín mươi hai triệu, năm trăm linh chín nghìn, chín trăm mười một đồng)

Cân đối thu - chi năm học 2024-205: 178.411 + 1.592.331.500đ - 1.592.509.911đ = 0 đ



BIỂU SỐ 05

**BIỂU THÔNG KÊ TÀI CHÍNH THU - CHI ĂN BÁN TRÚ TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC THÀNH
NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2026)

I. THU NĂM HỌC 2024-2025

STT	THÁNG/ NĂM	TIỀN SUẤT ĂN	TIỀN ĐIỆN NƯỚC + QUẢN LÝ	GHI CHÚ
1	Tháng 09/2024			
	Khối 1, 2 là 1.042 suất x 28.000đ/suất	23.966.000	5.210.000	
	Khối 3,4,5 là 1.024 suất x 29.000đ/suất	24.576.000	5.120.000	
2	Tháng 10/2024			
	Khối 1, 2 là 2.147 suất x 28.000đ/suất	49.381.000	10.735.000	
	Khối 3,4,5 là 2.115 suất x 29.000đ/suất	50.760.000	10.575.000	
3	Tháng 11/2024			
	Khối 1, 2 là 1.094 suất x 29.000đ/suất: 960 suất x 27.000đ/suất	45.322.000	12.330.000	
	Khối 3,4,5 là 1.138 suất x 30.000đ/suất; 1.056 suất x 27.000đ/suất	49.488.000	13.158.000	
4	Tháng 12/2024			

II. CHI NĂM HỌC 2024-2025

STT	THÁNG/NĂM	TIỀN SUẤT ĂN	TIỀN ĐIỆN NƯỚC	CHI TRỰC TRƯA, QUẢN LÝ
1	Tháng 09/2024			
		23.965.669		6.360.000
		24.575.754		
2	Tháng 10/2024			
		49.381.000		13.123.000
		50.760.000		
3	Tháng 11/2024			
		45.321.000	4.530.810	15.505.000
		49.488.000	1.338.600	
4	Tháng 12/2024			

	Khối 1, 2 là 2.270 suất x 27.000đ/suất:	47.670.000	13.620.000				47.670.000		
	Khối 3,4,5 là 2.629 suất x 27.000đ/suất	55.209.000	15.774.000				55.209.000	952.200	23.959.000
5	Tháng 01/2025				5	Tháng 01/2025			
	Khối 1, 2 là 1.521 suất x 27.000đ/suất:	31.941.000	9.126.000				31.941.000	717.414	
	Khối 3,4,5 là 1.840 suất x 27.000đ/suất	38.640.000	11.040.000				38.640.000	938.400	16.805.000
						Thẩm định lựa chọn nhà thầu		5.500.000	
						Tư vấn lập hồ sơ mời thầu		6.600.000	
6	Tháng 02/2025				6	Tháng 02/2025			
	Khối 1, 2 là 2.052 suất x 27.000đ/suất:	43.092.000	12.312.000				43.092.000	1.355.827	
	Khối 3,4,5 là 2,357 suất x 27.000đ/suất	49.497.000	14.142.000				49.497.000	910.800	22.045.000
7	Tháng 03/2025				7	Tháng 03/2025			
	Khối 1, 2 là 2.191 suất x 27.000đ/suất:	46.011.000	13.146.000				46.011.000	2.711.653	
	Khối 3,4,5 là 2.498 suất x 27.000đ/suất	52.458.000	14.988.000				52.458.000	869.400	23.445.000
8	Tháng 04/2025				8	Tháng 04/2025			
	Khối 1, 2 là 2.238 suất x 27.000đ/suất:	46.998.000	13.428.000				46.998.000	3.418.391	
	Khối 3,4,5 là 2.530 suất x 27.000đ/suất	53.130.000	15.180.000				53.130.000	938.400	23.840.000
9	Tháng 05/2025				9	Tháng 05/2025			
	Khối 1, 2 là 1.861 suất x 27.000đ/suất:	39.081.000	11.166.000				39.081.000		
	Khối 3,4,5 là 2.199 suất x 27.000đ/suất	46.053.000	13.158.000				46.053.000	800.400	20.270.000
					10	Tháng 07/2025			

							2.850.906	
							207.000	
					11	Tháng 08/2025		
							1.651.467	
							151.800	
					12	Tháng 09/2025		
							2.262.375	
							427.800	
					13	Tháng 10/2025		
							6.650.623	
							979.800	
						Chi hỗ trợ học sinh khó khăn ăn bán trú liên tục lớp 4B, 2A, 1B	2.093.511	
	Cộng	793.273.000	214.208.000				793.271.423	48.857.577
	Tổng Thu		1.007.481.000			Tổng chi		1.007.481.000
Cân đối Thu - Chi = 0 đồng								

Tổng thu 2024-2025 : 1.007.481.000 đồng (Một tỷ không trăm linh bảy triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng)

Tổng chi 2024-2025: 1.007.481.000 đồng (Một tỷ không trăm linh bảy triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng)

Cân đối thu - chi năm học 2024-2025: 1.007.481.000đ - 1.007.481.000 đ = 0 đồng